

Bản án số: 95/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 19/9/2024
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa
- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2024/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXX - ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1999
Nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh
- Bị đơn: Anh Lâm Văn C, sinh năm 1997
Nơi cư trú: 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2024 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn C tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 81, đăng ký ngày 31/12/2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, đến nay

không thể hàn gắn được, chị và anh C đã sống ly thân 01 năm nay. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh C, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 người con chung, họ tên là Lâm Chí K sinh ngày 10/6/2019, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Văn C: Vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn C có địa chỉ tại thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị T và anh C chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn anh C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị T và anh C tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 81, đăng ký ngày 31/12/2019 theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích, chị T và anh C đã sống ly thân một thời gian. Như vậy, chị T và anh C đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau, cụ thể: không còn sự thương yêu, chung sống hoà hợp với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh C, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có 01 người con chung, họ tên là họ tên là Lâm Chí K sinh ngày 10/6/2019, sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, hiện nay cháu K còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, vì vậy cần giao cháu K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, **Điều 81, 82, 83, 84** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu T. Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Lâm Văn C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, đăng ký ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Chí K sinh ngày 10/6/2019 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009224, ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà

